**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II MÔN TOÁN 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ đánh giá** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **1** | **Chủ đề: Thu thập và biểu diễn dữ liệu** | Thu thập và phân loại dữ liệu | **Nhận biết:** Nhận biết được cách thu thập và phân loại dữ liệu (Câu 1) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Biểu đồ hình quạt tròn. Biểu đồ đoạn thẳng. | **Nhận biết:** Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ(Câu 2) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề: Làm quen với biến cố và xác suất của biến cố** | Làm quen với xác suất của biến cố | ***Thông hiểu:***Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). (Câu 3), (Bài 1a,b)**Vận dụng:** vận dụng kiến thức để tính được xác suất của một biến cố.(Bài 1c) |  |  | 10,25đ | 21đ |  | 10,5đ |  |  |
| **3** | **Chủ đề: Biểu thức đại số và đa thức một biến** | Biểu thức đại số | **Nhận biết:** Nhận biết được đơn thức(Câu 4) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** Tính được giá trị của một biểu thức đại số. (Bài 2b) |  |  |   |  10,5đ |  |  |  |  |
| Đa thức một biến | **Nhận biết:**– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. (Câu 5)– Nhận biết được bậc của đa thức một biến. Hệ số cao nhất của đa thức một biến; (Bài 2a)– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến(Câu 6).– Sắp xếp đa thức theo lũy thừa giảm dần của biến (Câu 7 )**Vận dụng cao:** - Xác định được hệ số của đa thức một biến để đa thức thỏa mãn yêu cầu, Vận dụng tính chất của phép chia đa thức một biến để giải toán. (Bài 4a)- Vận dụng kiến thức để chứng minh đa thức có nghiệm.( Bài 4b) | 3 | 10,5đ |  |  |  |  |  | 10,5đ10,5đ |
| Phép cộng, trừ, nhân, chia đa thức một biến. | **Thông hiểu:** Hiểu cách nhân hai đa thức một biến (Câu 8)**Vận dụng:** Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.(Bài 2c) |  |  |  1 |  |  | 10,5đ |  |  |
| **4** | **Chủ đề:** **Tam giác bằng nhau.** | Các trường hợp bằng nhau của tam giác thường. | – Nhận biết được tam giác bằng nhau. (Câu 9), (Bài 2a)**Thông hiểu:** Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác - Hiểu rõ và biết áp dụng định lý mối quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong tam giác vào giải các bài toán liên quan.(Bài 3b). | 1 |  11đ |  | 11đ |  |  |  |  |
| Tam giác cân.  | **Nhận biết:** Nhận biết được định nghĩa và tính chất của tam giác cân. Câu 10***Vận dụng:*** Vận dụng các góc tương ứng của hai tam giác cân để chứng minh hai đường thẳng song song. (Bài 3c) | 1 |  |  |  |  | 11đ |  |  |
| **5** | **Chủ đề: Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác** | Quan hệ giữa ba cạnh của tam giác | ***Nhận biết:*** Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. (Câu 11) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Sự đồng quy của ba đường trung tuyến | ***Nhận biết:*** Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó (Câu 12) | 1 |  |  |  |  |  |  |  |

Xem thêm tại Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com